

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 144 /QĐ-UBND

Ayun Pa, ngày 11 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc
và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thị xã năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 873/SNV-TCBC ngày 10/7/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc thống nhất biên chế, số lượng người làm việc trong cơ quan, đơn vị trực thuộc thị xã năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thị xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc thị xã năm 2018.

(Có bảng giao biên chế cụ thể kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và chỉ tiêu biên chế được giao, sắp xếp, bố trí, phân công cho cán bộ công chức, viên chức đúng tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ của đơn vị theo quy định.

- Trưởng phòng Nội vụ thị xã có nhiệm vụ chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền điều tiết biên chế công chức, số lượng người làm trong các cơ quan, đơn vị để sử dụng hiệu quả biên chế khi Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định.
-

Trường phòng Giáo giáo dục – Đào tạo thị xã có văn bản thống nhất với Phòng Nội vụ việc điều tiết số lượng người làm việc cho các đơn vị trường học thuộc thị xã trình Ủy ban nhân dân thị xã giao số lượng người làm việc cho các đơn vị trường học đúng theo quy định.

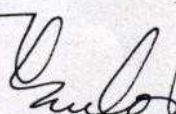
Điều 3. Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã, Trưởng phòng Nội vụ thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Thủ trưởng các ngành liên quan và các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh (theo dõi);
- TT TU, TT HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- Lưu: VT. LanNV. *zh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



**BẢNG GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC,
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP TẠI CÁC CƠ
QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC THỊ XÃ NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND thị xã)

STT	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng biên chế công chức, người làm việc, và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được giao			Ghi chú
		Tổng số được giao	Biên chế công chức	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	
I	CƠ QUAN HÀNH CHÍNH				
1	Văn phòng HĐND & UBND thị xã	22	18	4	
2	Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã	6	6		
3	Phòng Kinh tế thị xã	7	7		
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	6	6		
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã	8	8		
6	Phòng Nội vụ thị xã	7	7		
7	Phòng Lao động TB&XH thị xã	7	6	1	
8	Phòng Tư pháp thị xã	5	5		
9	Cơ quan Thanh tra thị xã	5	5		
10	Phòng Văn hoá - Thông tin thị xã	4	4		
11	Phòng Quản lý đô thị thị xã	5	5		
12	Phòng Y tế thị xã	3	3		
13	Phòng Dân tộc thị xã	4	4		
	Cộng I	89	84	5	

II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	Tổng số được giao	Số người làm việc được giao	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Ghi chú
1	Sự nghiệp Giáo dục (Các trường NM; TH; THCS)	547	523	24	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	13	12	1	
3	Y tế (TT Dân số KHH Gia đình)	13	13		
4	Văn hóa (SN Phòng Văn hóa)	11	10	1	
5	Đài Truyền thanh - Truyền hình	9	9		
6	Sự nghiệp Lưu trữ (Phòng Nội vụ)	3	3		
7	Sự nghiệp Khuyến công (Phòng Kinh tế)	1	1		
8	Sự nghiệp Định canh định cư (Phòng Dân tộc)	1	1		
9	Trạm Khuyến nông	4	4		
Cộng II		602	576	26	
Tổng cộng		691	660	31	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 462/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 12 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2015-2021;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 8/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định tổng biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Gia Lai năm 2008;

Căn cứ Thông báo số 90/TB-HĐND ngày 15/5/2018 về kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung Tờ trình 776/TTr-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh;

Theo Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2021;

Xét đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2018 cho các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

(có bảng giao biên chế cụ thể kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức trong phạm vi biên chế được UBND tỉnh giao và tự cân đối biên chế cho nhiệm vụ mới phát sinh hoặc thành lập tổ chức mới.

2. Chủ động có văn bản thống nhất với Sở Nội vụ việc điều tiết, giao biên chế công chức, viên chức, hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính (Văn phòng, Chi cục, Ban) và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm, Trường học, Bệnh viện, Ban Quản lý,...); biên chế giữa các khu vực sự nghiệp (Giáo dục mầm non, tiểu học, phổ thông, thường xuyên và dạy nghề, y tế, văn hóa, sự nghiệp khác) tại từng đơn vị sự nghiệp trực thuộc để bảo đảm tất cả biên chế được cấp thẩm quyền giao hàng năm phải được sử dụng đúng quy định, phù hợp nhu cầu và có địa chỉ vị trí việc làm cụ thể.

Hoàn thành chậm nhất trong tháng 6/2018.

3. Ủy quyền Giám đốc Sở Nội vụ thống nhất việc điều tiết, phân bổ lại biên chế công chức, biên chế viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, khu vực sự nghiệp theo đề nghị của các đơn vị, địa phương và theo dõi, kiểm soát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế để tuyển dụng công chức, viên chức; đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp của các đơn vị, địa phương theo đúng Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban TCTU;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH GIA LAI



**BẢNG GIAO BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP CHO CÁC SỞ, BAN NGÀNH, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh)

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế UBND tỉnh giao năm 2017				Biên chế UBND tỉnh giao năm 2018				Tăng giảm			
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	H
	CỘNG = I + II + III	31910	2970	27383	1557	31564	2929	27114	1521	-346	-41	-269	
I	CẤP TỈNH	10848	1483	8728	637	10670	1463	8577	630	-178	-20	-151	
A	Khối Sở, ngành	10532	1483	8454	595	10355	1463	8304	588	-177	-20	-150	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61	49	9	3	61	49	9	3				
2	Sở Tư pháp	72	32	38	2	57	32	23	2	-15		-15	
3	Sở Tài chính	62	59		3	61	58		3	-1	-1		
4	Sở Nội vụ	91	72	11	8	90	71	11	8	-1	-1		
5	Sở Khoa học và Công nghệ	56	38	14	4	42	38		4	-14		-14	
6	Sở Giao thông vận tải	58	53		5	57	52		5	-1	-1		
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	163	49	109	5	163	49	109	5				
8	Sở Công Thương	171	137	15	19	168	134	15	19	-3	-3		
9	Sở Nông nghiệp & PTNT	1215	531	621	63	1203	519	621	63	-12	-12		
10	Sở Y tế	4921	67	4614	240	4864	66	4564	234	-57	-1	-50	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	2842	52	2679	111	2771	52	2608	111	-71	-71	-71	
12	Sở Xây dựng	46	37		9	46	37		9				
13	Sở Lao động, TB & XH	176	41	93	42	176	41	93	42				
14	Sở Văn hoá, TT & DL	317	46	227	44	316	46	227	43	-1			

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế UBND tỉnh giao năm 2017					Biên chế UBND tỉnh giao năm 2018					Tăng giảm				
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HDLĐ theo ND 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	HDLĐ theo ND 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	HDLĐ theo ND 68			
15	Sở Thông tin và TT	44	31	10	3	44	31	10	3							
16	Thanh tra tỉnh	41	39		2	41	39		2							
17	VP UBND tỉnh	38	30	3	5	38	30	3	5							
18	Văn phòng UBND tỉnh	84	59	11	14	83	58	11	14	-1	-1					
19	Ban Dân tộc	22	20		2	22	20		2							
20	BQL các Khu Kinh tế	33	25		8	33	25		8							
21	Sở Ngoại vụ	19	16		3	19	16		3							
B	Khối ĐVSN thuộc tỉnh	316		274	42	315		273	42	-1		-1				
1	Cao đẳng nghề Gia Lai	99		94	5	99		94	5							
2	Dài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	108		104	4	107		103	4	-1		-1				
3	Bảo tàng HCM chi nhánh GL - KT	23		16	7	23		16	7							
4	BQL VQG Kon Ka Kinh	86		60	26	86		60	26							
II	CẤP HUYỆN	20986	1487	18590	909	20894	1466	18537	891	-92	-21	-53	-18			
1	TP Pleiku	2466	114	2273	79	2456	111	2268	77	-10	-3	-5	-2			
2	Thị xã An Khê	982	89	851	42	977	88	848	41	-5	-1	-3	-1			
3	Thị xã Ayun Pa	694	84	579	31	691	84	576	31	-3		-3	-1			
4	Huyện Đức Cơ	1156	86	1013	57	1150	84	1010	56	-6	-2	-3	-1			
5	Huyện Ia Grai	1424	84	1281	59	1419	83	1278	58	-5	-1	-3	-1			
6	Huyện Chư Prông	1714	92	1547	75	1708	90	1544	74	-6	-2	-3	-1			
7	Huyện Ia Pa	900	85	774	41	895	83	771	41	-5	-2	-3	-1			
8	Huyện Chư Păh	1155	84	1013	58	1150	83	1010	57	-5	-1	-3	-1			
9	Huyện KBang	1245	87	1095	63	1240	86	1092	62	-5	-1	-3	-1			
10	Huyện Krông Pa	1307	84	1162	61	1303	83	1159	61	-4	-1	-3	-2			
11	Huyện Chư Sê	1585	86	1439	60	1579	85	1436	58	-6	-1	-3	-2			
12	Huyện Kông Chro	985	84	857	44	979	83	854	42	-6	-1	-3	-1			
13	Huyện Mang Yang	1081	86	945	50	1076	85	942	49	-5	-1	-3	-2			
14	Huyện Dak Doa	1471	90	1316	65	1465	89	1313	63	-6	-1	-3	-2			
15	Huyện Dak Pơ	729	86	610	33	724	85	607	32	-5	-1	-3	-1			

Thị xã An Khê
Thị xã Ayun Pa

Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế UBND tỉnh giao năm 2017				Biên chế UBND tỉnh giao năm 2018				Tăng giảm	
	Tổng số	Công chức	Viên chức	HDLĐ theo ND 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	HDLĐ theo ND 68	Tổng số	Viên chức
16 Huyện Nhũ Thiện	1080	83	947	50	1075	82	944	49	-5	-1
17 Huyện Chu Puh	1012	83	888	41	1007	82	885	40	-5	-1
III TỔ CHỨC HỘI	76		65	11					-76	-65
1 Liên minh HTX tỉnh	17		15	2					-17	-15
2 Hội Chữ thập đỏ	17		15	2					-17	-15
3 Hội Văn học nghệ thuật	12		10	2					-12	-10
4 Hội Nhà Báo	4		4						-4	-4
5 LH các hội Khoa học kỹ thuật tỉnh	7		6	1					-7	-6
6 Hội Đông y tỉnh	3		3						-3	-3
7 Hội Nạn nhân CĐDC/ Dioxin	12		8	4					-12	-8
8 Hội Người cao tuổi tỉnh	1		1						-1	-1
9 Hội Người mù	3		3						-3	-3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA**

Số: 01/UBND-NC

V/v xin ý kiến việc điều tiết,
giao biên chế công chức, số
lượng người làm việc và hợp
đồng lao động theo Nghị định
số 68/2000/NĐ-CP.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ayun Pa, ngày 22 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018;

Theo đó, năm 2018, Thị xã Ayun Pa được giao **691** biên chế. Trong đó: Công chức hành chính: **84**, viên chức: **576** và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **31**.

So với năm 2017: giảm **3** (giảm 03 biên chế của Hội Chữ thập đỏ).

Để có cơ sở đăng ký tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức cũng như điều tiết, giao biên chế hành chính, số lượng người làm việc hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thị xã năm 2018 theo vị trí việc làm, phù hợp với cơ cấu ngạch công chức, viên chức. Ủy ban nhân dân thị xã dự kiến và đề nghị Sở Nội vụ xem xét, cho ý kiến việc điều tiết, giao biên chế hành chính, số lượng người làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã năm 2018 cụ thể như sau:

I. Biên chế hành chính: 84 biên chế được phân bổ cho 13 cơ quan chuyên môn thuộc thị xã.

II. Viên chức các đơn vị sự nghiệp: 576 chỉ tiêu, trong đó:

1. Sự nghiệp giáo dục: 535 chỉ tiêu, gồm:

1.1. Sự nghiệp giáo dục (Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã): 523 chỉ tiêu.

1.2. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 12 chỉ tiêu.

2. Sự nghiệp y tế (Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình): 13 chỉ tiêu.

3. Sự nghiệp văn hóa: 19 chỉ tiêu, trong đó:

3.1. Sự nghiệp Đài Truyền thanh - Truyền hình: 09 chỉ tiêu.

3.2. Sự nghiệp thuộc Phòng Văn hóa - Thông tin: 10 chỉ tiêu.

4. Sự nghiệp khác: 09 chỉ tiêu.

- 4.1. Sự nghiệp lưu trữ thuộc Phòng Nội vụ: 03 chỉ tiêu.
- 4.2. Sự nghiệp định canh, định cư thuộc Phòng Dân tộc: 01 chỉ tiêu.
- 4.3. Sự nghiệp Khuyến công (thuộc Phòng Kinh tế): 01 chỉ tiêu.
- 4.5. Trạm Khuyến nông: 04 chỉ tiêu.

III. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 31 chỉ tiêu.

1. Văn phòng HĐND-UBND thị xã (Lái xe, bảo vệ, phục vụ): 04 chỉ tiêu.
2. Phòng Lao động – TB&XH thị xã (quản trang): 01 chỉ tiêu.
3. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã (bảo vệ): 01 chỉ tiêu.
4. Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã (Lái xe): 01 chỉ tiêu.
5. Các đơn vị trường học (bảo vệ): 24 chỉ tiêu.

Ủy ban nhân dân thị xã đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai xem xét, cho ý kiến để UBND thị xã triển khai thực hiện theo quy định. / *hnh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Chánh VP HĐND-UBND thị xã;
- Phòng Nội vụ thị xã;
- Lưu VT.LanNv. *ll*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
ĐINH CHỦ TỊCH
Nay Nam





Người ký: Sở Nội
vụ
Email:
snv@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia
Lai
Thời gian ký:
10.07.2018
09:27:56 +07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 873 /SNV-TCBC
V/v thống nhất biên chế, số lượng
người làm việc trong các cơ quan,
đơn vị trực thuộc thị xã năm 2018

Gia Lai, ngày 10 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa
- Sở Tài chính.

Thực hiện quyết định 462/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2021; Quyết định 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về phân giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018;

Theo đề nghị của UBND thị xã Ayun Pa tại văn bản số 901/UBND-NC ngày 22/6/2018, Sở Nội vụ thống nhất việc điều tiết, phân bổ biên chế, số lượng người làm việc, HĐLĐ trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc thị xã Ayun Pa năm 2018 như sau:

Đơn vị	Tổng số	Biên chế công chức, số lượng người làm việc được phép sử dụng năm 2018					
		Hành chính	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp khác	HĐLĐ theo NĐ68/2000/NĐ-CP
Thị xã Ayun Pa	691	84	535	13	19	9	31

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết 18, Nghị quyết 19, nếu việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy có làm thay đổi biên chế của cơ quan, địa phương thì sẽ có quyết định điều chỉnh biên chế riêng.

Sở Nội vụ thông báo lại để quý địa phương biết làm cơ sở cho việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan đơn vị trực thuộc và Sở Tài chính có cơ sở điều tiết lại kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT-TCBC.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Tâm

